

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST

Ngày: 11-8 -2022

*Về việc: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Hoàng Văn Hiệu và bà Đàm Thị Thơ
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 17/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022 ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn Nhạ Lộc, xã Đồng T, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ : Thôn Thị Tứ, xã Đồng T, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị D trình bày:

Ngày 10/02/2021 bà D cho bà Lê Thị L vay tổng số tiền là 168.000.000đ (Một trăm sáu mươi tám triệu đồng). Thời hạn vay 2 (hai) tháng, thời hạn trả nợ gốc vào ngày 10/4/2021. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5 %/ tháng. Đến thời hạn trả nợ gốc, bà L vẫn chưa trả được nợ gốc và lãi, ngày 30/01/2022 bà L mới thanh toán cho bà D được số tiền lãi bằng 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), chưa thanh toán được số tiền nợ gốc. Nay bà D yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả cho bà số tiền cụ thể tạm tính đến ngày 11/8/2022 như sau

- Tiền nợ gốc: 168.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu).

- Tiền lãi tính từ ngày 10/2/2021 đến ngày 11/8/2022:

168.000.000đ x 1,5%/ tháng x 18 tháng = 45.360.000đ

Ngày 30/01/2022 bà Len đã trả cho bà D được 15.000.000đ tiền lãi.

Như vậy số tiền lãi bà L còn phải trả cho bà D là:

$45.360.000đ - 15.000.000đ = 30.360.000đ$ (ba mươi triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 11/8/2022 là: 198.360.000đ (một trăm chín mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Bà D không yêu cầu tính lãi quá hạn.

Bà D đề nghị Tòa án buộc bà Lê Thị L phải trả lãi 1,5% / tháng cho bà cho đến khi bà L trả nợ xong khoản tiền gốc. Bà không yêu cầu tính lãi suất quá hạn, không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa Bà Lê Thị L vắng mặt lần thứ 02, không lý do. Quá trình giải quyết vụ án, bà Ln trình bày:

Bà L có vay của bà D số tiền nợ gốc tổng cộng là 168.000.000đ (Một trăm sáu mươi tám triệu đồng) và chốt nợ vào ngày 10/02/2021 được thể hiện trên “giấy biên nhận tiền vay”. Khi vay bà L là người trực tiếp vay tiền của bà D, không bàn bạc với chồng con, mục đích vay hộ tiền cho người khác. Thời hạn vay là 02 (hai) tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 10/4/2021. Khi đến hạn trả nợ bà L chưa có tiền để trả như đã cam kết, đến ngày 30/01/2022 bà L đã trả cho bà D được 15.000.000đ tiền lãi. Nay bà D yêu cầu bà L phải trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 11/8/2022 bằng 198.360.000đ (một trăm chín mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng), bà L đồng ý, nhưng bà không có tiền để trả một lần cho bà D, bà L đề nghị được trả nợ dần hàng tháng, mỗi tháng trả 10.000.000đ cho đến khi trả xong khoản nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của của các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị L trả nợ theo “ giấy biên nhận vay tiền” đã ký kết vào ngày 10 tháng 2 năm 2021. Như vậy đây là vụ án về việc “ tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bà Lê Thị L (bị đơn) có nơi cư trú tại thôn Thị Tứ, xã Đồng T, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Lê Thị L đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng bà L không đến Tòa án, không có lý do, như vậy là từ bỏ quyền của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy căn cứ vào khoản 2, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Bà Nguyễn Thị D khởi kiện bà Lê Thị L yêu cầu bà L trả số tiền gốc và lãi 198.360.000đ (một trăm chín mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Xét thấy việc vay nợ được thể hiện tại "giấy biên nhận tiền vay" có chữ ký của bà Lê Thị L, mặc dù không có chữ ký của người cho vay là bà Nguyễn Thị D, nhưng bà D và bà L đều khẳng định và công nhận “giấy biên nhận vay tiền” này là đúng thực tế, bà D là người trực tiếp cho bà L vay tiền, việc giao dịch vay nợ là do các bên tự nguyện, không bị ép buộc.

Đến thời hạn trả nợ, bà Lê Thị L không thanh toán số tiền nợ như đã cam kết trong “ giấy biên nhận vay tiền”, nên bà D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị D có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Về nghĩa vụ trả nợ: Bà L phải trả số tiền gốc và lãi suất cho bà D cụ thể như sau:

- Tiền nợ gốc: 168.000.000đ (một trăm sáu mươi tám triệu).
- Tiền lãi tính từ ngày 10/2/2021 đến ngày 11/8/2022:
 $168.000.000đ \times 1,5\% / \text{tháng} \times 18 \text{ tháng} = 45.360.000đ - 15.000.000đ$ (đã trả) = 30.360.000đ (ba mươi triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng).
- Tổng tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 11/8/2022 là: 198.360.000đ (một trăm chín mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bà D không yêu cầu tính lãi quá hạn, nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Buộc bà Lê Thị L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1, Điều 147; khoản 2, Điều 227; Điều 228; Điều 271, 273; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, .

2. Xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.
- Buộc bà Lê Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà D số tiền cụ thể tính từ ngày 10/02/2021 đến ngày 11/8/2022, tổng tiền gốc và tiền lãi là: 198.360.000đ (một trăm chín mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án, hằng tháng bà Len còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 9.918.000đ (chín triệu, chín trăm mười tám nghìn đồng).

Trả lại số tiền tạm ứng án phí 4.707.000đ (bốn triệu bảy trăm linh bảy nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị D đã nộp theo biên lai số AA/2021/ 0006567 ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T. Hóa
- Vks Triệu Sơn
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nguyễn Thị Trúc Nguyễn Bá Long

Lê Thị Thủy

